

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2022/DSST
Ngày 14 - 9 - 2022
V/v tranh chấp dân sự về hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Nội.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bạch Linh.
2. Bà Trần Thị Kim Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Lê Phú Quý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Cương – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 525/2021/TLST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2021 về việc “tranh chấp tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 161/2022/QĐXX-ST ngày 01 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 133/2022/QĐST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần QVN; địa chỉ: 111A P, phường B, quận M, thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Trần Văn Q, sinh năm: 1994, địa chỉ: 111A P, phường B, quận M, thành phố H.– Cán bộ Ngân hàng TMCP QVN, là người đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền ngày 21/4/2022).

- Bị đơn: 1. Ông Nguyễn Trần Thanh K, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: Số 165, khóm B 1, TT. L, huyện L, tỉnh Đ.

2. Bà Lê Thị AX, sinh năm: 1977

Địa chỉ: Số 231, ấp BA, xã B, huyện L, tỉnh Đ.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 6 năm 2021 của nguyên đơn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Văn Q đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 19/10/2018, ông Nguyễn Trần Thanh K và bà Lê Thị AX đã ký Hợp đồng tín dụng số 394.HĐTD.621.18 với Ngân hàng Thương mại cổ phần QVN - Chi nhánh An Giang để vay số tiền là 584.000.000đ, mục đích vay để trả tiền mua xe ô tô nhãn hiệu Ford Focus, thời hạn vay là 60 tháng từ ngày 19/10/2018 đến ngày 20/10/2023; lãi suất tại thời điểm vay là 9,99%/năm, lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là lãi suất cơ sở trong kỳ + biên độ 3,99%/năm) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 3,99%/năm. Hoàn trả khoản vay gốc là ngày 20 hàng tháng, trong 60 tháng, trong 59 tháng đầu mỗi tháng trả 9.730.000đ, tháng cuối cùng trả 9.930.000đ là hết nợ. Kỳ trả đầu tiên là ngày 20/11/2018. Lãi quá hạn là 150% lãi trong hạn. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay nêu trên là giấy đăng ký xe ô tô con hiệu Ford Focus, biển số 66A-077.14 do ông Nguyễn Trần Thanh K đứng tên chủ sở hữu.

Thực hiện hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân cho ông K và chị AX số tiền 584.000.000đ theo đơn đề nghị giải ngân kiêm kê ước nhận nợ số: 394.KUNN.621.18 ngày 19/10/2018. Quá trình thực hiện hợp đồng ông K và chị AX đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Chỉ thanh toán cho Ngân hàng được 13 tháng đến ngày 20/11/2019 thì ngưng cho đến nay. Số tiền ông K và chị AX đã thanh toán cho Ngân hàng được số tiền vay gốc là 116.860.000đ và tiền lãi là 53.577.911đ, tổng cộng là 170.437.911đ. Hiện nay còn nợ lại số tiền vay gốc là 467.140.000đ và tiền lãi thì ông K và chị AX không tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng.

Sau khi ông K và bà AX không thanh toán khoản nợ trên cho Ngân hàng, phía Ngân hàng có liên lạc với ông K và bà AX qua số điện thoại nhưng không liên lạc được. Ngân hàng cũng đã gửi thông báo yêu cầu trả nợ và thông báo thu hồi toàn bộ khoản vay và chuyển khoản nợ qua nợ quá hạn nhưng phía ông K và chị AX không có phản hồi. Ngân hàng có cử cán bộ xuống nhà thì nhà đóng cửa, không có ai ở nhà. Tại điểm a khoản 3.1 Điều 3 của Hợp đồng hai bên có thỏa thuận. Bên được cấp tín dụng phải thông báo cho Ngân hàng trong thời hạn hai ngày làm việc kể từ khi phát sinh một trong các trường hợp sau: a) Thay đổi/chuyển đổi/chấm dứt địa chỉ nơi cư trú, số điện thoại, việc làm, công việc hay nghề nghiệp, nơi làm việc, tình trạng hôn nhân và các thông tin khác về bệnh tật trầm trọng, tai nạn, rủi ro ảnh hưởng đáng kể đến cuộc sống của bên được cấp tín dụng. Như vậy, hiện nay ông K và chị AX đã đóng cửa nhà đi đâu không rõ, số điện thoại cũng đã đổi nhưng không có thông báo cho Ngân hàng nên thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ để không trả tiền cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Nguyễn Trần Thanh K và bà Lê Thị AX có nghĩa vụ trả số tiền vay gốc còn nợ là 467.140.000đ (Bốn

trăm sáu mươi bảy triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng) và tiền lãi tạm tính đến ngày 14/9/2022 gồm nợ lãi trong hạn là 2.904.302đ và nợ lãi quá hạn là 252.411.484đ, tổng cộng vốn lãi là 722.455.786đ (Bảy trăm hai mươi hai triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn bảy trăm tám mươi sáu đồng). Buộc ông K và chị AX tiếp tục tính lãi quá hạn kể từ ngày 15/9/2022 cho đến khi trả xong các khoản nợ cho Ngân hàng theo quy định tại Hợp đồng tín dụng số 394.HĐTD.621.18 ngày 19/10/2018 và Đơn đề nghị giải ngân kiên khế ước nhận nợ số 394.KUNN.621.10 ngày 19/10/2018. Đối với tài sản bảo đảm là 01 chiếc xe ô tô con hiệu Ford Focus, biển số 66A-077.14 do ông Nguyễn Trần Thanh K đứng tên chủ sở hữu thì phía Ngân hàng không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Bị đơn là ông Trần Nguyễn Thanh Quang và bà Lê Thị AX vắng mặt tại buổi hoà giải lần thứ 2 mà không có lý do. Theo quy định tại Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được.

- *Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán. Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Tiến hành thủ tục thụ lý, thông báo thụ lý; xác định đúng quan hệ tranh chấp, thụ lý đúng thẩm quyền, xác định tư cách đương sự tham gia tố tụng; xác minh, thu thập, giao nhận chứng cứ; tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải; thời hạn giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Tuy nhiên, việc cấp, tổng đạt các thông báo, quyết định của Toà án chưa đúng quy định tại Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự cụ thể:

Tại phiếu trả lời xác minh ngày 28/6/2022 của Công an xã Bình Thạnh Trung xác nhận bà Lê Thị AX, sinh năm: 1977, thường trú tại số 231, Bình Hiệp A, xã Bình Thạnh Trung, Lấp Vò, Đồng Tháp không có mặt tại địa phương từ năm 2020 đến nay, hộ chị AX chỉ có một nhân khẩu là chị AX. Như vậy, chị AX đã đi khỏi địa phương trước khi Toà án thụ lý giải quyết vụ án (15/11/2021) và không có người nhận thay các văn bản tố tụng, do đó việc niêm yết công khai không đảm bảo cho chị AX nhận được các thông tin về việc thụ lý, giải quyết vụ án để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn. Tuy nhiên, Toà án chưa thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng cho chị AX qua thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự. Kiểm sát viên đề nghị hoãn phiên toà để tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn. Do Hội đồng xét xử không hoãn phiên toà để tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn nên Đại diện Viện kiểm sát thấy chưa đủ căn cứ phát biểu về nội dung giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa lời phát

biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử Toà án nhân dân huyện Lấp Vò nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay gồm tiền gốc và tiền lãi. Do đó, xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn cư trú tại huyện Lấp Vò nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

[1.2] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên toà để triệu tập hợp lệ bị đơn thông qua thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự, xét thấy: Trong đơn khởi kiện, người khởi kiện là Ngân hàng thương mại cổ phần QVN đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện là bà Lê Thị AX và ông Nguyễn Trần Thanh K theo địa chỉ được ghi trong hợp đồng tín dụng và sổ hộ khẩu. Căn cứ vào phiếu xác minh của Công an xã Bình Thạnh Trung ngày 28/6/2022 xác nhận bà Lê Thị AX đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 231, ấp BA, xã B, huyện L, tỉnh Đ nhưng từ năm 2020 đến nay không có mặt tại địa phương và căn cứ vào phiếu xác minh ngày 20/4/2022 của Công an thị trấn L xác nhận ông Nguyễn Trần Thanh K đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 165, khóm B, TT. L, huyện L, tỉnh Đ nhưng hiện nay ông K không có mặt tại địa phương, hiện không biết đi đâu. Tại điểm a khoản 3.1 Điều 3 về điều khoản và điều kiện cấp tín dụng kèm theo Hợp đồng tín dụng số 394.HĐTD.621.18 ngày 19/10/2018 hai bên đã thoả thuận: Bên được cấp tín dụng phải thông báo cho Ngân hàng trong thời hạn hai ngày làm việc kể từ khi phát sinh một trong các trường hợp sau: a) Thay đổi/chuyển đổi/chấm dứt địa chỉ nơi cư trú, số điện thoại, việc làm, công việc hay nghề nghiệp, nơi làm việc, tình trạng hôn nhân và các thông tin khác về bệnh tật trầm trọng, tai nạn, rủi ro ảnh hưởng đáng kể đến cuộc sống của bên được cấp tín dụng. Như vậy, căn cứ các Biên bản xác minh thì bị đơn đã thay đổi nơi cư trú ghi trong hợp đồng mà không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự cũng như việc thoả thuận của các đương sự tại điểm a khoản 3.1 Điều 3 về điều khoản và điều kiện cấp tín dụng kèm theo Hợp đồng tín dụng. Theo quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 được coi là bị đơn cố tình giấu địa chỉ. Do không xác định được nơi cư trú mới của bị đơn nên Toà án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho chị AX và ông K tại địa chỉ mà chị AX và ông K cung cấp cho nguyên đơn trong hợp đồng tín dụng là phù hợp theo khoản 5 Điều 177 và Điều 179 của bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, cũng như hướng dẫn tại mục 5 phần II hướng dẫn số 25/HD-VKSTC ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Hết thời hạn niêm yết mà chị AX và ông K không đến Toà án để tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải nên thuộc trường hợp không tiến

hành hoà giải được. Tại phiên tòa xét xử lần thứ hai bị đơn là chị AX và ông K vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là phù hợp pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn, thấy: Việc vay tiền giữa bà Lê Thị AX và ông Nguyễn Trần Thanh K với Ngân hàng thương mại cổ phần QVN là có thật. Được thể hiện bằng Hợp đồng tín dụng số 394.HĐTD.621.18 ngày 19/10/2018 và Đơn đề nghị giải ngân kiên khế ước nhận nợ số 394.KUNN.621.10 ngày 19/10/2018. Theo đó, Ngân hàng đồng ý cấp hạn mức tín dụng cho bà Lê Thị AX và ông Nguyễn Trần Thanh K số tiền là 584.000.000đ, mục đích vay để trả tiền mua xe ô tô nhãn hiệu Ford Focus, thời hạn vay là 60 tháng từ ngày 19/10/2018 đến ngày 20/10/2023; lãi suất tại thời điểm vay là 9,99%/năm, lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là lãi suất cơ sở trong kỳ + biên độ 3,99%/năm) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 3,99%/năm. Hoàn trả khoản vay gốc là ngày 20 hàng tháng, trong 60 tháng, trong 59 tháng đầu mỗi tháng trả 9.730.000đ, tháng cuối cùng trả 9.930.000đ là hết nợ. Kỳ trả đầu tiên là ngày 20/11/2018. Lãi quá hạn là 150% lãi trong hạn.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông K và chị AX chỉ thanh toán cho Ngân hàng được 13 tháng đến ngày 20/11/2019 thì ngưng cho đến nay. Số tiền ông K và chị AX đã thanh toán cho Ngân hàng được số tiền vay gốc là 116.860.000đ và tiền lãi là 53.577.911đ, tổng cộng là 170.437.911đ. Hiện nay còn nợ lại số tiền vay gốc là 467.140.000đ và tiền lãi thì ông K và chị AX không tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng. Như vậy ông K và chị AX đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng và vi phạm Điều 463 Bộ luật dân sự 2015, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông K và chị AX có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền vay gốc còn nợ là 467.140.000đ (Bốn trăm sáu mươi bảy triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng) và tiền lãi tạm tính đến ngày 14/9/2022 là 2.904.302đ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn là 252.411.484đ, tổng cộng vốn lãi là 722.455.786đ (Bảy trăm hai mươi hai triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn bảy trăm tám mươi sáu đồng). Đồng thời, Ngân hàng yêu cầu ông K và chị AX có nghĩa vụ trả tiền lãi tiếp tục kể từ ngày 15/9/2022 cho đến khi ông K và chị AX trả xong nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 394.HĐTD.621.18 ngày 19/10/2018 và Đơn đề nghị giải ngân kiên khế ước nhận nợ số 394.KUNN.621.10 ngày 19/10/2018 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng; Điều 463, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 nên chấp nhận.

[2.2] Đối với ông Nguyễn Trần Thanh K và bà Lê Thị AX mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng cũng như giấy triệu tập đến

phiên toà nhưng ông K và chị AX không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, việc bị đơn vắng mặt được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên mặc nhiên ông K và chị AX thừa nhận số nợ theo như Ngân hàng khởi kiện. Do đó, cần phải buộc ông K và chị AX trả số tiền vay theo như yêu cầu của Ngân hàng.

[2.3] Đối với tài sản đảm bảo cho các khoản vay nêu trên là 01 giấy đăng ký chiếc xe ô tô con hiệu Ford Focus, biển số 66A-077.14 do ông Nguyễn Trần Thanh K đứng tên chủ sở hữu. Ngân hàng không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do đó, Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là ông Nguyễn Trần Thanh K và bà Lê Thị AX phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 32.898.231đ, làm tròn là 32.898.000đ (Ba mươi hai triệu tám trăm chín mươi tám nghìn đồng).

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 5, Điều 6, khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 179, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Căn cứ khoản 2 Điều 40, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần QVN.

Buộc ông Nguyễn Trần Thanh K và bà Lê Thị AX có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần QVN tổng cộng số tiền vốn và lãi tính đến ngày 14/9/2022 là 722.455.786đ (Bảy trăm hai mươi hai triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn bảy trăm tám mươi sáu đồng).

Kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022, ông Nguyễn Trần Thanh K và bà Lê Thị AX còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 394.HĐTD.621.18 ngày 19/10/2018 và Đơn đề nghị giải ngân kiên khế ước nhận nợ số 394.KUNN.621.10 ngày 19/10/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Nguyễn Trần Thanh K và bà Lê Thị AX phải có nghĩa vụ liên đới chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 32.898.000đ (Ba mươi hai triệu tám trăm chín mươi tám nghìn đồng).

2.2. Ngân hàng thương mại cổ phần QVN không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.585.000đ (Mười ba triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0002237 ngày 12/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên toà được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND H.Lấp Vò;
- Chi cục THADS H.Lấp Vò;
- Lưu: VP- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Văn Nội